

Bản án số:32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vương Thị Dung và bà Nguyễn Thị Liễu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Tới – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử B – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Tú Q**, sinh năm 1986

HKTT: ấp Lân Quới 2, xã Thạnh Quới, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Trần Trọng N**, sinh năm 1984

HKTT: tổ 1B, ấp 3, xã T, huyện Định Quán, Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Tú Q** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:Chị và anh **Trần Trọng N** kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 08/03/2010, số 22, quyền số 01, tại UBND xã Thạnh Quới, huyện V, Thành phố Cần Thơ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chị sinh con thứ 2 thì anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ rơi mẹ con chị nên từ đó hai người không còn chung sống với nhau. Nay chị không còn tình cảm yêu thương vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung:có 02 con chung **Trần Thị Thảo V**, sinh ngày 22/01/2010 và **Trần Tú Ngọc T**, sinh ngày 23/8/2017. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau. Nợ chung:Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N không đến Tòa án làm việc nên không ghi được lời khai của bị đơn, đồng thời bị đơn không yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Về hôn nhân: Cho chị Q được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Trần Trọng N thường trú sinh sống tại ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị Q yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 21/11/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị Q xin ly hôn với anh N. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh N là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 22, quyền số 01, ngày 08-03-2010 tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 16/01/2024, bản tự khai ngày 09/01/2014 thể hiện vợ chồng chị Q chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, đồng thời anh N có mối quan hệ với người phụ

nữ khác bỏ rơi mẹ con chị nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2017 chị Q dắt hai con bỏ về nhà cha mẹ ruột tại Thành phố Cần Thơ sinh sống và từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú thì anh N đều biết nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị và anh N đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm N vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận nên cho chị Q được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Trần Thị Thảo V, sinh ngày 22/01/2010 và Trần Tú Ngọc T, sinh ngày 23/8/2017. Kết quả xác minh tại địa phương ngày 16/01/2024, bản tự khai ngày 09/01/2014 thể hiện từ khi 02 người sống ly thân năm 2017 đến nay thì chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm lo cho con chu đáo phát triển tốt về thể chất. Chị làm công nhân may với mức thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000đ, đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó con chung cũng có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Trong thời gian sống ly thân, anh N không đến thăm nom con hay cấp dưỡng nuôi con thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến con chung. Nhằm đảm bảo sự ổn định nề nếp sinh hoạt cho con, để con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung cho chị Q được nuôi dưỡng là có cơ sở, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh N N vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung chị Q trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 89, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tú Q.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tú Q được ly hôn với anh Trần Trọng N.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Trần Thị Thảo V, sinh ngày 22/01/2010 và Trần Tú Ngọc T, sinh ngày 23/8/2017 cho chị Phạm Thị Tú Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh N N vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh N và chị Q có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Tú Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009170 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Q và anh N biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ, số 22, quyền số 01, ngày 08/03/2010 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**

